

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 25-9-2018

*V/v Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Quang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Văn Chiến

2. Bà Vũ Thị Hảo

Thư ký phiên tòa: Nguyễn Văn Đô – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Kiên – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 205/2018/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số: 42/2018/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh P, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Số nhà B, đường H, ấp T, xã B, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Anh Nguyễn Công Tâm, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Số nhà B, đường H, ấp T, xã B, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

(Chị P có mặt, anh T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/5/2018, các bản khai tại Tòa án và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Công T tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau từ năm 2004 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố H, tỉnh Đồng Nai, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 101, quyển số 01/2004 ngày 03/8/2004. Vợ chồng chị chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T

không chăm lo cho gia đình, vợ chồng thường hay cãi nhau, có lần anh T đã đánh đập chị nên anh chị sống ly thân nhau, trong thời gian sống ly thân vợ chồng chị không còn quan tâm nhau để hàn gắn mâu thuẫn. Chị P xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục sống chung được nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Công T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Phương N sinh ngày 06/10/2004 và Nguyễn Ngọc Minh T sinh ngày 10/4/2010. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Công T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần không đến Tòa làm việc, không cung cấp tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án và vắng mặt tại phiên tòa nên không có lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng:

+ Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý hồ sơ là đúng quy định.

+ Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử và đương sự là đúng quy định, bị đơn triệu tập hợp lệ nhiều lần không đến Tòa làm việc gây khó khăn trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

Về thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị Thanh P khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Công T, sinh năm 1984; Địa chỉ: Số nhà B, đường H, ấp T, xã B, huyện V, tỉnh Đồng Nai; Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu.

Về quan hệ pháp luật: Chị P yêu cầu ly hôn với anh T và yêu cầu được nuôi con chung nên xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”.

Bị đơn anh Nguyễn Công T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và

không có yêu cầu phản tố, căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định.

[2] *Về nội dung vụ án:*

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh P và anh Nguyễn Công T chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố H, tỉnh Đồng Nai được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 101, quyển số: 01/2004 ngày 03/8/2004, căn cứ Điều 11, 12, 13, 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 hôn nhân của anh chị được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Trong thời gian chung sống, chị P và anh T phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T không quan tâm đến vợ con, vợ chồng anh chị thường hay cãi nhau, anh T đã có lần đánh đập chị P được gia đình bên chồng can ngăn hòa giải nhiều lần nhưng không thể hàn gắn mâu thuẫn. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành tổ chức hòa giải nhiều lần để chị P và anh T đoàn tụ nhưng anh T đều vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải. Căn cứ vào các Điều 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị P yêu cầu ly hôn với anh T là có căn cứ để chấp nhận.

Về con chung: Quá trình chung sống chị P và anh T có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Phương N sinh ngày 06/10/2004 và Nguyễn Ngọc Minh T sinh ngày 10/4/2010. Khi ly hôn chị P yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, chị P hiện đang có nơi ở ổn định, đang làm việc tại công ty TNHH Changshin Việt Nam và có mức thu thập hàng tháng từ tiền lương là 9.995.143 đồng, con chung do chị P trực tiếp nuôi dưỡng từ tháng 5/2018 cho đến nay. Hơn nữa, quá trình giải quyết Tòa án đã thông báo cho anh T nêu ý kiến về yêu cầu đối với con chung và giao nộp tài liệu, chứng cứ chứng minh nhưng anh T không cung cấp. Do đó, việc giao con chung cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Quá trình giải quyết cũng như quá trình xét xử chị P không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chị Nguyễn Thị Thanh P phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 11, 12, 13, 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh P về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh P được ly hôn với anh Nguyễn Công T.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Ngọc Phương N, sinh ngày 06/10/2004 và Nguyễn Ngọc Minh T, sinh ngày 10/4/2010 cho chị Nguyễn Thị Thanh P trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Tạm thời anh Nguyễn Công T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Công T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không trực tiếp nuôi dưỡng không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh P phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) chị P đã nộp theo biên lai số 0004608 ngày 30/5/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu. Chị P đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tổng đạt hợp lệ, để Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử theo trình tự phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKS nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKS nhân dân huyện Vĩnh Cửu;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Cửu;
- Các đương sự;
- UBND phường B, thành phố H, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

Nguyễn Xuân Quang

-